



Molytex[®] EP

Mỡ ô tô chịu cực áp

Mỡ cực áp đa dụng, có màu xám đen, được pha chế chủ yếu để sử dụng cho các thiết bị xây dựng, khai thác mỏ và nông nghiệp khi yêu cầu tăng thêm mức bảo vệ cho thiết bị trong điều kiện có tải va đập. Chứa dầu gốc khoáng tinh lọc cấp ISO 220, chất làm đặc xà phòng li-thi, phụ gia cực áp, phụ gia chống rỉ, chống ô xy hóa và chất bôi trơn màng rắn đi-sun-fua mô-líp-đen.

ỨNG DỤNG

- Ô tô
- Thiết bị xây dựng
- Thiết bị làm đất, khai thác đá và hầm mỏ
- Thiết bị nông nghiệp
- Các điểm tra mỡ khung bệ xe
- Trục, bạc lót, bề mặt trượt hay các ngỗng trục
- Tất cả các loại ổ đỡ chống ma sát
- Khớp cầu
- Khớp các-đăng (khớp chữ U)
- Các ứng dụng có tải nặng và va đập

Cấp NLGI 0 được khuyến nghị sử dụng cho các thiết bị làm việc ở thời tiết rất lạnh hay có các đường dẫn mỡ bôi trơn dài.

Không khuyến nghị sử dụng cho các khớp đồng tốc ở cầu trước ô tô.

Nhiệt độ khả dụng khi hoạt động liên tục: -30 đến 130°C.

Nhiệt độ tối đa mà mỡ chịu được trong thời gian ngắn: 160°C (cấp NLGI 0) và 175°C (cấp NLGI 2).

CÁC TIÊU CHUẨN HIỆU NĂNG

- NLGI Service Classification LB (NLGI 2)
- AAR Specification M-929-75 (NLGI 2)

LỢI ĐIỂM

- Giảm thiểu công việc bảo trì nặng nhọc**
 Phụ gia cực áp và chất bôi trơn màng rắn đi-sun-fua mô-líp-đen chống mài mòn các chi tiết trong điều kiện tải nặng hay tải va đập. Phụ gia chống rỉ và chống ăn mòn bảo vệ bề mặt kim loại khi hoạt động trong điều kiện ẩm ướt. Ngay cả khi sử dụng một lượng mỡ không đủ, một ít đi-sun-fua mô-líp-đen ở tại chỗ cũng giúp bảo vệ bề mặt kim loại.
- Thời gian sử dụng mỡ dài**
 Khả năng ức chế ô xy hóa rất cao đảm bảo kéo dài thời gian sử dụng của mỡ.
- Sử dụng dễ dàng**
 Cấp NLGI 0 cho khả năng bơm tốt trong trường hợp thời tiết rất lạnh hay các đường cấp mỡ dài. Cả hai cấp đều có những đặc tính lưu động thích hợp cho các hệ thống sử dụng bơm mỡ.
- Phạm vi ứng dụng rộng rãi**
 Tính năng đa dụng cho phép dùng rộng rãi trong các ứng dụng tải nặng của công nghiệp và ngành ô tô vận tải, đồng thời giảm thiểu các chủng loại mỡ cần thiết để tránh sử dụng sai mỡ.

MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE và SỰ AN TOÀN

Thông tin về các vấn đề này có trong *Phiếu An toàn Hóa chất (MSDS)* và *Tài liệu hướng dẫn an toàn cho sản phẩm Caltex*. Khách hàng nên tham khảo các tài liệu này và tuân thủ các hướng dẫn và quy định của luật pháp về sử dụng và thải bỏ dầu nhớt. Để có *Phiếu MSDS* hãy vào trang web www.caltexoils.com.

CÁC ĐẶC TÍNH CHÍNH

Cấp NLGI	0	2
Điểm nhớt giọt, °C	182	195
Mô-líp-đen Đi-sun-fua, % KL	3	3
Độ nhớt của dầu,		
mm ² /s ở 40°C	172	208
mm ² /s ở 100°C	15,6	18,2
Độ xuyên kim sau nhào trộn ở 25°C	370	280
Chất làm đặc (Li-thi), % KL	4,0	7,5
Tải Timken OK, kg	14	14

9809

Từ Thông tin Sản phẩm này được biên soạn với tinh thần trung thực, căn cứ trên các thông tin tốt nhất có được tại thời điểm phát hành. Mặc dù những số liệu đưa ra trên đây là tiêu biểu nhưng vẫn có thể có sai số nhỏ, không ảnh hưởng đến hiệu năng của sản phẩm. Khách hàng có trách nhiệm sử dụng sản phẩm đúng với các ứng dụng đã chỉ định.

Phát hành bởi Chevron Global Lubricants, Châu Á Thái Bình Dương.

Một nhãn hiệu của **Chevron**

©2007 Công ty Chevron Products. Bản quyền được bảo hộ.

Molytex[®] EP

LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

Do có đi-sun-fua mô-líp-đen nên cho phép tăng thêm mức bảo vệ trong điều kiện có tải va đập rất phổ biến trong các thiết bị xây dựng, thi công cơ giới và nông nghiệp. Trong suốt quá trình chịu tải va đập, lớp màng dầu bôi trơn giữa hai bề mặt kim loại có thể tạm thời bị phá vỡ hay chảy ra ngoài. Khi sử dụng Molytex EP, một lượng đi-sun-fua mô-líp-đen ở vị trí bôi trơn giữ vai trò như chất bôi trơn bằng màng rắn giúp bảo vệ các bề mặt kim loại, ngay cả trong điều kiện có tải va đập khắc nghiệt, đồng thời ngăn chặn hai bề mặt kim loại tiếp xúc nhau tránh chi tiết bị phá hỏng. Sự hiện diện của đi-sun-fua mô-líp-đen cũng rất cần thiết khi môi trường làm việc bị nhiễm bẩn hay khi không thực hiện đúng các định kỳ thay mỡ .